CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn MPT

Ngày 30/09/2025	600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	0%

DT thuần
Q3/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q3/25
-0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.04| -49.2%
YoY: ▼0.03| -34.3%

LN sau thuế
Q3/25
-0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.05| -28.9%
YoY: ▼0.08| -58.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

ROE (TTM)
Q3/25
-10.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

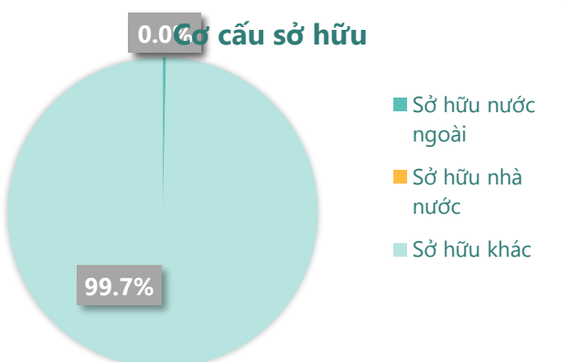
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10
Số lượng CPLH (CP)	17,107,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,495
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.17
EPS	-1,029
P/E	-0.6

DT thuần
9T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
9T 2025
-0.31
tỷ VNĐ

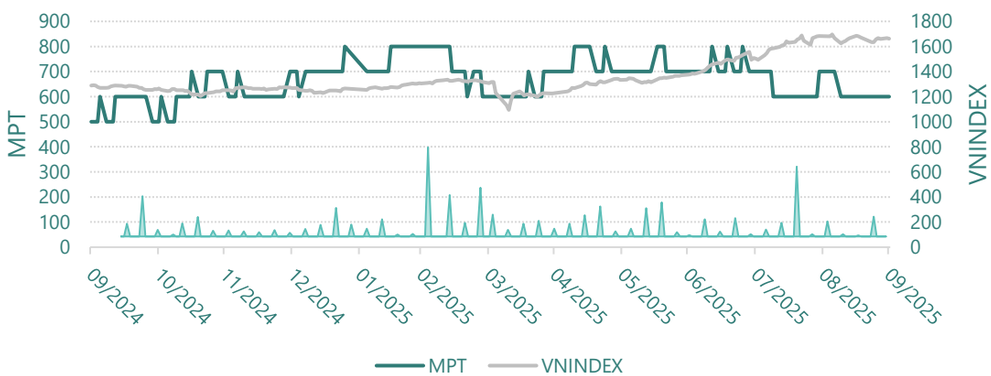
LN sau thuế
9T 2025
-0.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.14| -37.1%

Cơ cấu sở hữu

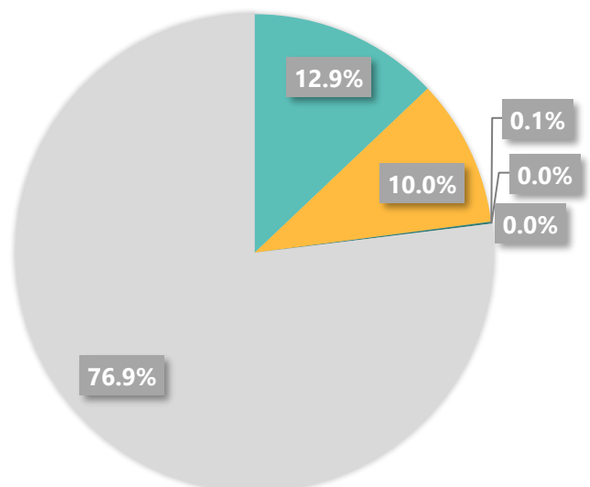


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



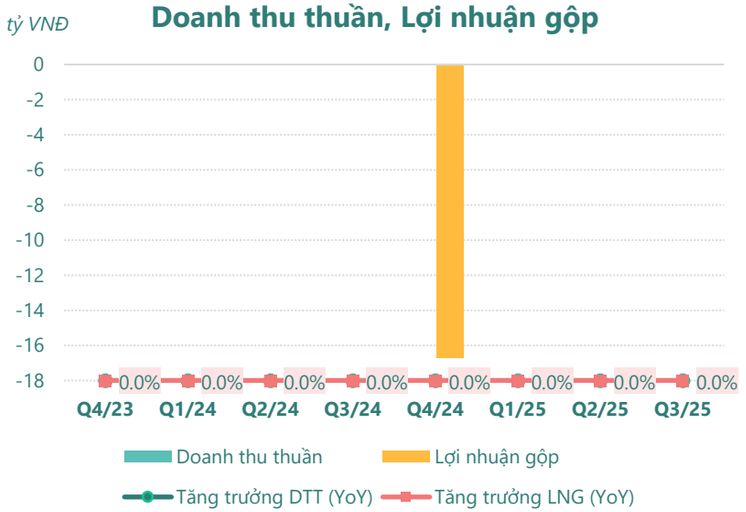
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

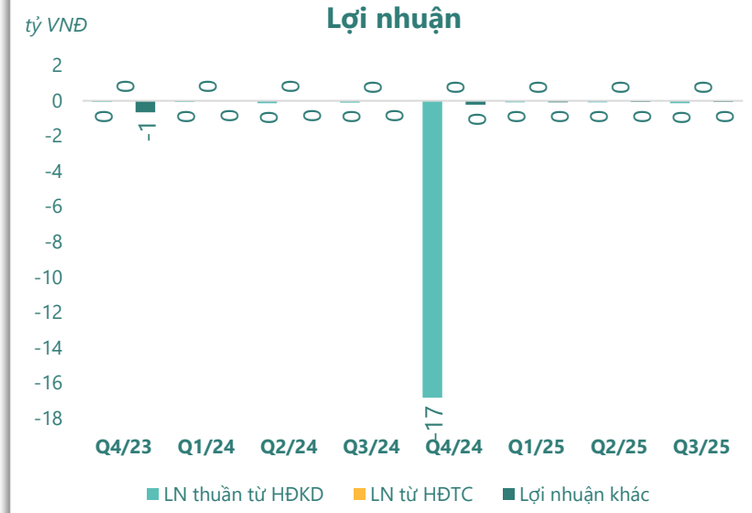
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



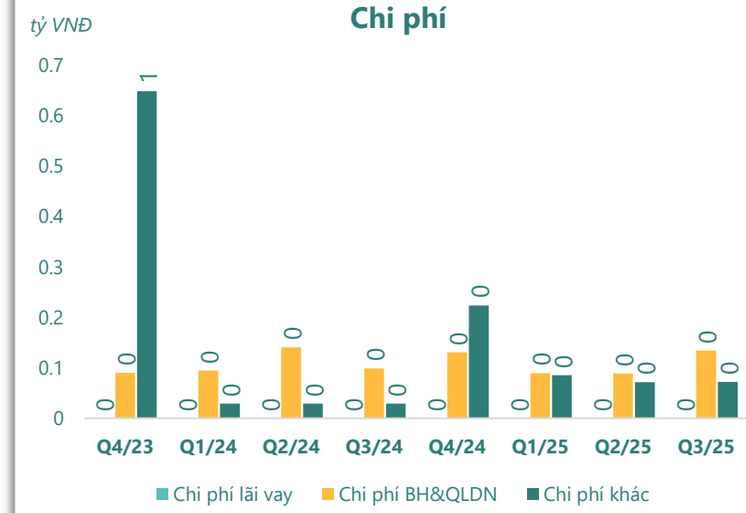
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



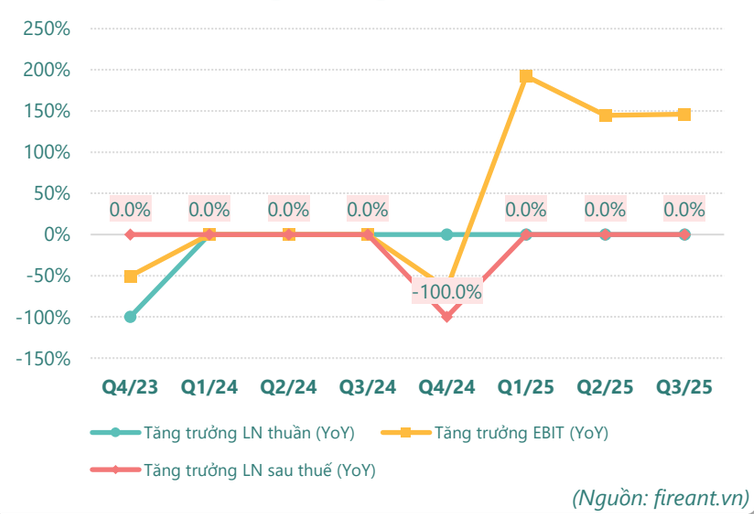
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



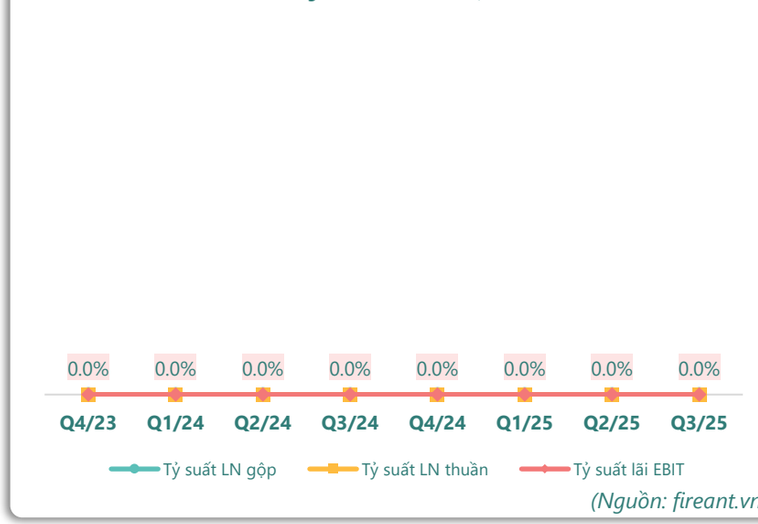
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



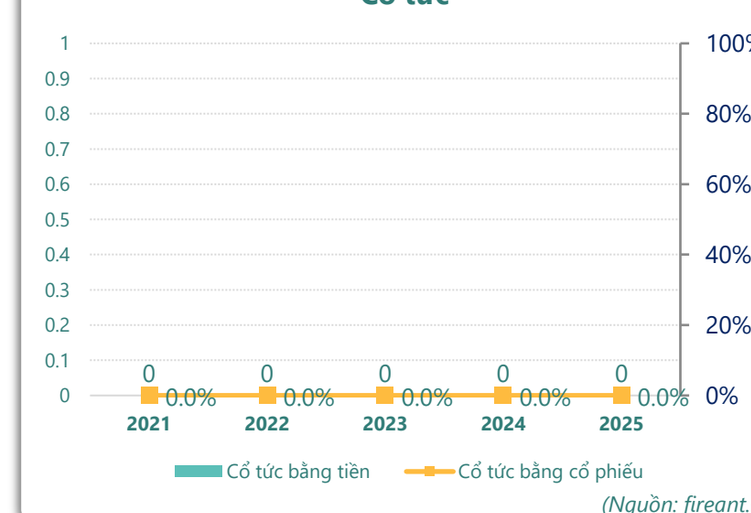
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

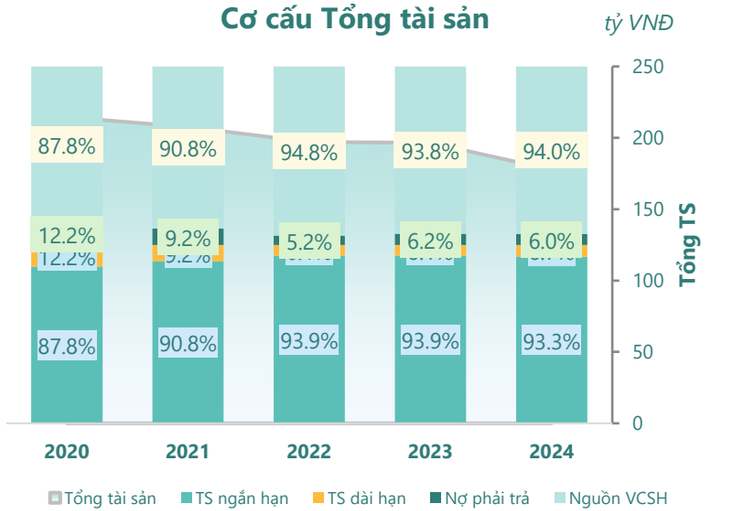
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

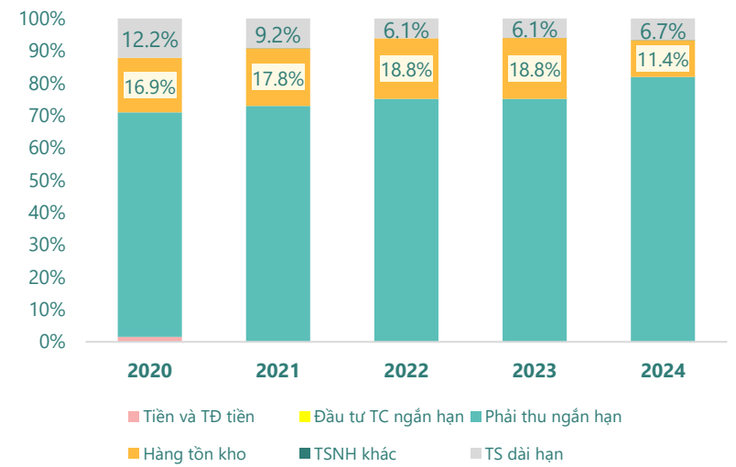
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



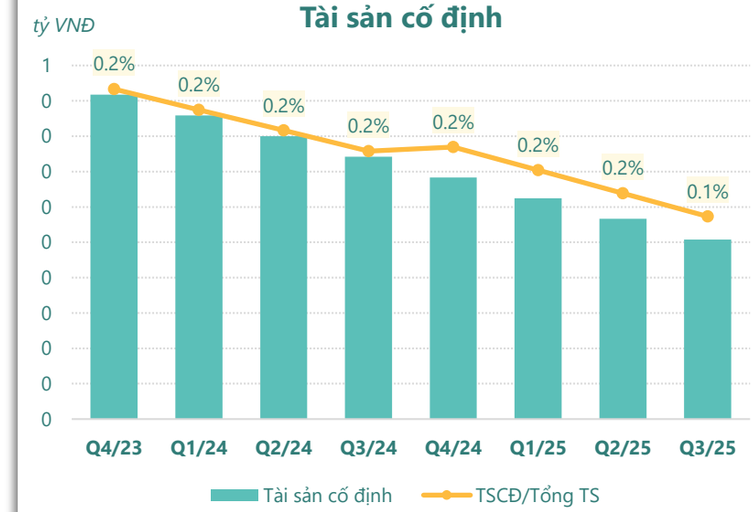
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



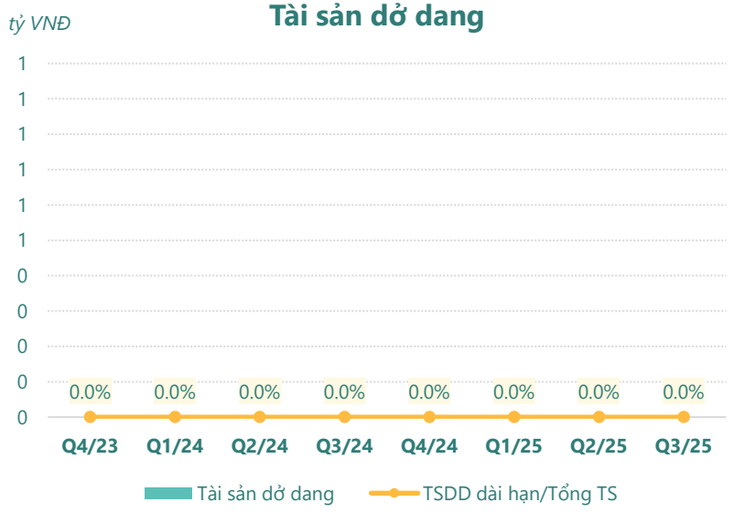
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



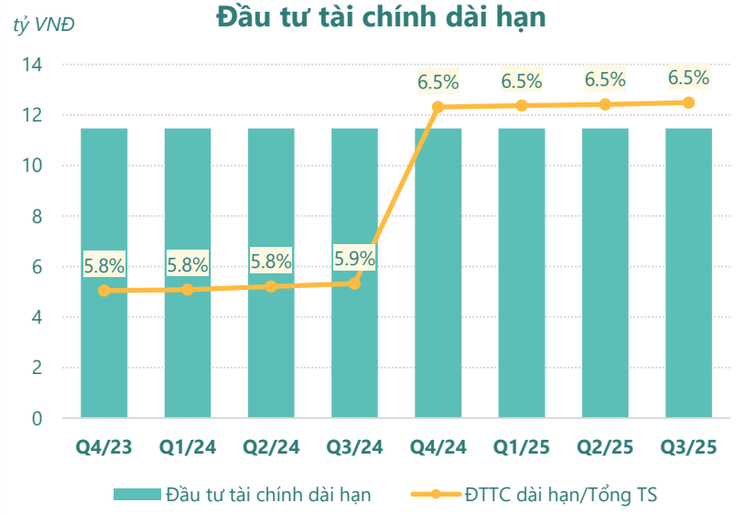
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



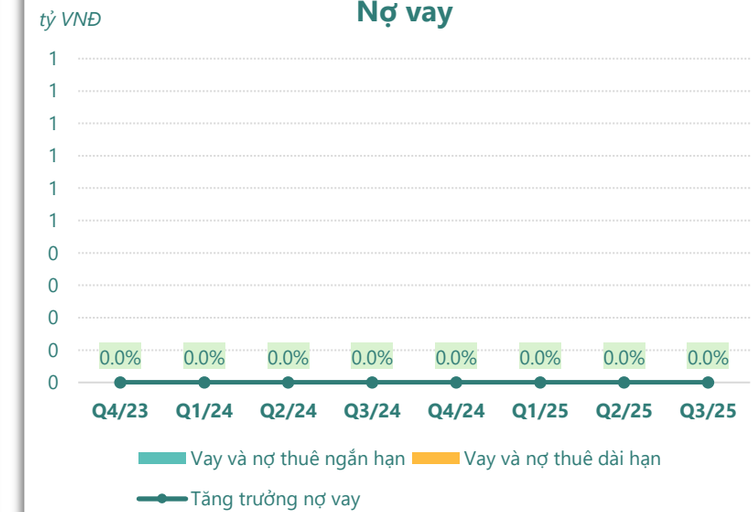
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

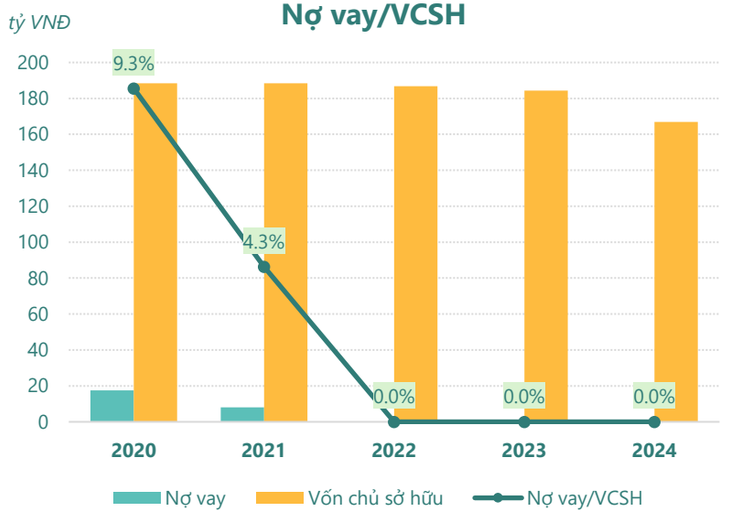
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

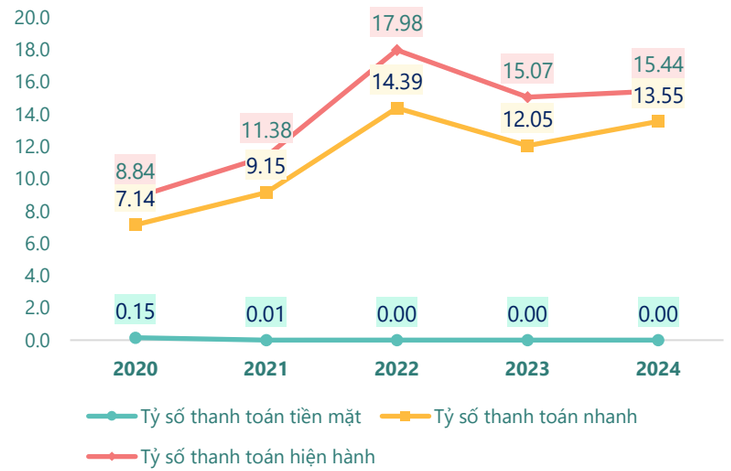
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



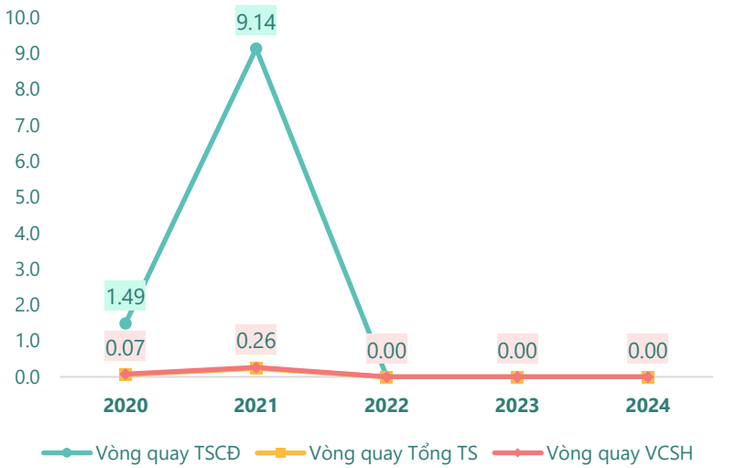
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



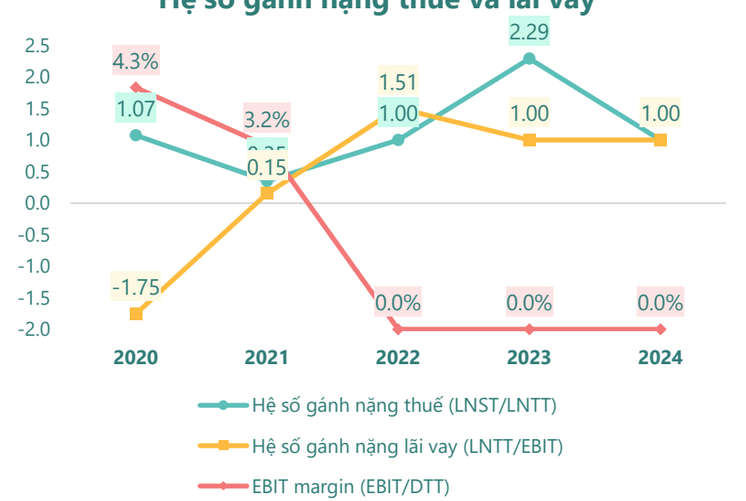
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



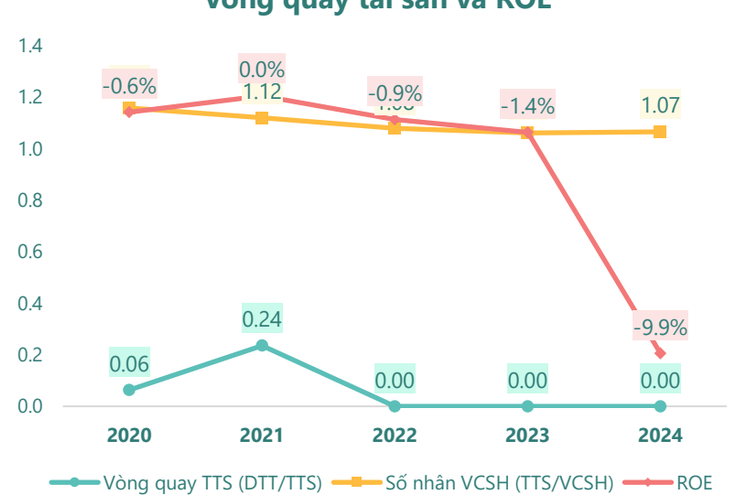
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



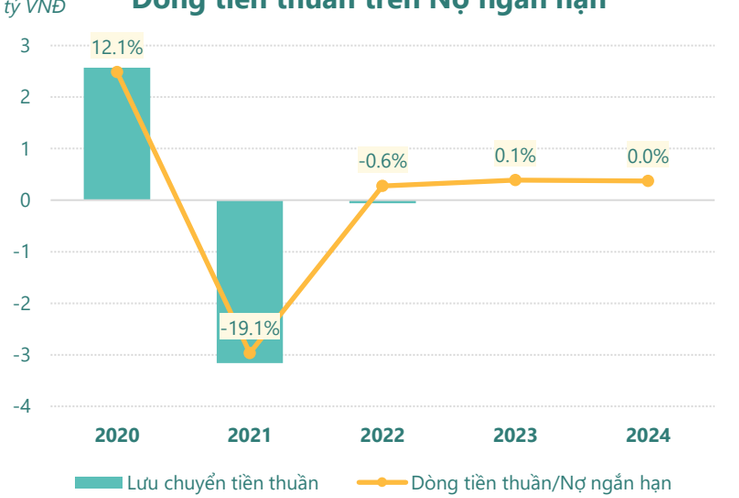
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.03	-99.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.13**	**0.10**	**34.3%**	**0.31**	**0.33**	**-6.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.13	-0.10	-34.3%	-0.31	-0.31	-1.7%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-0.03**	**-140%**	**-0.23**	**-0.09**	**-161%**
LN trước thuế	-0.21	-0.13	-58.7%	-0.54	-0.40	-37.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.21**	**-0.13**	**-58.7%**	**-0.54**	**-0.40**	**-37.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.21**	**-0.13**	**-58.7%**	**-0.54**	**-0.40**	**-37.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.35	-0.27	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.34	0.28	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.05	0.04	0.05	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.01**	**0.01**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.04	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**177**	**178**	**-0.2%**
Tài sản ngắn hạn	165	166	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	0.05	0.05	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	145	-0.2%
Hàng tồn kho	20.3	20.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.02	25.6%
Tài sản dài hạn	**11.7**	**11.8**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.25	0.34	-25.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-30.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.9	10.7	1.2%
Nợ ngắn hạn	**10.9**	**10.7**	**1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.44	7.44	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**166**	**167**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**166**	**167**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)